THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 41

Ngày 19/10/2026

Bản tin hàng tuần
phát hành ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 41 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội tại các địa phương giai đoạn 2026–2030.*
- *Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.*
- *Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác các chức danh.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Luật Nuôi con nuôi.*
- *Giải đáp pháp luật: Kiểm soát thủ tục hành chính.*

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 30/9/2026 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê cho các địa phương giai đoạn 2026-2030 xác định phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho thuê là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm bảo đảm an sinh xã hội, giúp người dân, đặc biệt là người thu nhập thấp và công nhân khu công nghiệp tiếp cận nhà ở an toàn, phù hợp với khả năng chi trả.

Nghị quyết nhấn mạnh việc ưu tiên phát triển nhà ở cho thuê, nhất là tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, khu kinh tế và những khu vực có hạ tầng đồng bộ. Nhà ở cho thuê được xác định là phân khúc chiến lược, lâu dài, bên cạnh nhà ở để bán. Chính phủ yêu cầu ưu tiên bố trí quỹ đất sạch, sử dụng nguồn vốn từ Quỹ nhà ở địa phương, đồng thời huy động nguồn lực xã hội và khuyến khích các doanh nghiệp bất động sản có đủ năng lực tham gia đầu tư.

Mục tiêu đặt ra đến năm 2030 phấn đấu hoàn thành hoặc vượt chỉ tiêu đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội và nhà ở cho thuê dành cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi và tổng hợp kết quả triển khai của các địa phương, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; rà soát các dự án đã có trong quy hoạch; đôn đốc các dự án đã khởi công, tăng tỷ lệ nhà ở cho thuê và cho thuê mua, giảm tỷ lệ nhà ở xã hội để bán. Các địa phương cần bố trí đủ quỹ đất, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ưu tiên giải quyết các dự án nhà ở xã hội và rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt, giao đất, cấp phép xây dựng.

Các bộ, ngành và địa phương có liên quan phải tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện, kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng nhằm bảo đảm các công trình, dự án đúng quy hoạch, thiết kế, chất lượng, tránh thất thoát, lãng phí.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/1/2026 về việc giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Nghị định số 382/2026/NĐ-CP ngày 06/10/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2025/NĐ-CP về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng. Nghị định có hiệu lực từ ngày ký ban hành, hoàn thiện các quy định về điều kiện tham gia, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ và quá trình thử

nghiệm các giải pháp công nghệ tài chính (Fintech).

Về hồ sơ và điều kiện tham gia, Nghị định bổ sung quy định về phương thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích, thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân, ủy quyền theo quy định hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước. Một quy định khác là người đại diện theo pháp luật và Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty phải có bằng đại học trở lên thuộc các ngành phù hợp hoặc có ít nhất 02 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán, công nghệ thông tin và không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định pháp luật.

Về đơn giản hóa thủ tục hành chính, Ngân hàng Nhà nước phải chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ để thay thế một số giấy tờ trong hồ sơ. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, không chính xác, tổ chức đăng ký phải bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.

Thời hạn thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm từ 80 đến 90 ngày. Tổ chức đăng ký được giải trình, hoàn thiện hồ sơ một lần; thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

Đối với giải pháp Fintech và bảo đảm an toàn, hồ sơ đề án phải mô tả giải pháp đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm, thể hiện mô hình mô phỏng hoặc bản trình diễn thử, nhóm khách hàng tiềm năng và thuyết minh kỹ thuật về hệ thống thông tin sử dụng cho giải pháp. Nội dung hồ sơ phải thể hiện việc đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các tiêu chí có liên quan.

Về điều chỉnh, dừng, gia hạn và kết thúc thử nghiệm, Nghị định quy định rõ thành phần hồ sơ, thời hạn xem xét và căn cứ để Ngân hàng Nhà nước quyết định. Việc điều chỉnh giải pháp, gia hạn thời gian thử nghiệm hoặc cấp giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm được xem xét trên cơ sở hồ sơ, kết quả thử nghiệm, tình hình giám sát thực tế và ý kiến của các bộ liên quan. Đối với trường hợp dừng thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước xem xét quá trình thử nghiệm và quyết định việc dừng, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm theo quy định.

BỔ SUNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ TƯ PHÁP

Nghị định số 383/2026/NĐ-CP ngày 08/10/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 09/2026/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Nghị định bổ sung chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp trong các lĩnh vực xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, thi hành án dân sự, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, kiểm soát thủ tục hành chính và bảo vệ, bảo đảm quyền con người.

Nghị định bổ sung nhiệm vụ giúp Chính phủ thực hiện công tác truyền

thông chính sách; quy định việc quản lý, hướng dẫn, cập nhật, đăng tải và khai thác dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Đồng thời, xác định rõ hơn vai trò tương trợ tư pháp về dân sự, thực hiện các điều ước quốc tế liên quan và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quyền con người, trong đó có nhiệm vụ đầu mối quốc gia thực thi Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.

Về cơ cấu tổ chức, Bộ Tư pháp có 20 đơn vị trực thuộc, trong đó có 16 tổ chức hành chính và 4 đơn vị sự nghiệp công lập. Đáng chú ý, Cục Hợp tác quốc tế được xác định trong cơ cấu tổ chức mới. Vụ Hợp tác quốc tế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật cho đến khi quy định về Cục Hợp tác quốc tế có hiệu lực thi hành.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/11/2026.

PHỤ CẤP CÔNG VỤ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Nghị định số 381/2026/NĐ-CP ngày 2/10/2026 của Chính phủ quy định phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở xã, phường, đặc khu (cán bộ, công chức cấp xã).

Mức phụ cấp công vụ bằng 55% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) được áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã không được hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố về chi tiền lương, thu nhập tăng thêm. Mức phụ cấp công vụ bằng 25% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) được áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã được hưởng tiền lương, thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố về chi tiền lương, thu nhập tăng thêm; Trường hợp hưởng mức tiền lương, thu nhập tăng thêm thấp hơn mức phụ cấp công vụ 55% thì được hưởng chênh lệch cho bằng mức phụ cấp công vụ 55%.

Phụ cấp công vụ được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Thời gian không được tính hưởng phụ cấp công vụ bao gồm: đi công tác, làm việc học tập ở nước ngoài được hưởng 40% tiền lương theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên; nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; bị tạm đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam.

Chế độ phụ cấp quy định tại Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01/7/2026 đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH

Nghị định số 379/2026/NĐ-CP ngày 02/10/2026 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, trong đó có xe ô tô phục vụ công tác chức danh.

Các chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô, kể cả khi đã nghỉ công tác, không quy định mức giá gồm: Tổng Bí thư; Chủ tịch nước; Thủ tướng Chính phủ; Chủ tịch Quốc hội; Thường trực Ban Bí thư.

Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, không quy định mức giá: Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác, có quy định mức giá gồm: các chức danh tại bậc 1 Nhóm II Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị (Danh mục) ban hành kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị, được điều chỉnh theo Kết luận số 31-KL/TW ngày 11/5/2026 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh phân cấp quản lý cán bộ và Danh mục chức danh lãnh đạo các cơ quan truyền thông, báo chí quốc gia, viện hàn lâm khoa học xã hội và khoa học công nghệ phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới (trừ chức danh là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương), được sử dụng một xe ô tô có mức giá tối đa là 1.700 triệu đồng/xe. Các chức danh tại bậc 2 Nhóm II Danh mục được sử dụng một xe ô tô có mức giá tối đa là 1.600 triệu đồng/xe.

Chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại và đi công tác, có quy định mức giá gồm: Các chức danh tại Nhóm III Danh mục (trừ chức danh là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương) được sử dụng xe ô tô có mức giá tối đa 1.500 triệu đồng/xe. Các chức danh tại bậc 1 Nhóm IV Danh mục được sử dụng xe ô tô có mức giá tối đa 1.400 triệu đồng/xe. Trường hợp các chức danh này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì cơ quan, người có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, phương án nhận khoán và số lượng chức danh nhận khoán kinh phí để xem xét, quyết định. Trường hợp tất cả các chức danh này của từng bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô thì không trang bị xe ô tô phục vụ công tác các chức danh.

Đối với các chức danh chưa được quy định cụ thể, căn cứ quy định, quyết định, kết luận, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định

tại Nghị định này hoặc tương đương nhóm, bậc nào tại Quy định số 368-QĐ/TW để áp dụng định mức xe ô tô tương ứng.

CHUYỂN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THÀNH DOANH NGHIỆP

Từ ngày 30/9/2026, việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thành Công ty cổ phần (CTCP) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (CTTNHHMTV) thực hiện theo Nghị định 373/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Nghị định áp dụng đối với các ĐVSNCL thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã (xã, phường, đặc khu) và các đơn vị, cơ quan chuyên môn trực thuộc.

Việc chuyển đổi ĐVSNCL thành doanh nghiệp (DN) phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ. Quá trình chuyển đổi không làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Nghị định nêu rõ không thực hiện chuyển đổi thành DN đối với các ĐVSNCL thuộc trường hợp giải thể, chuyển giao, tổ chức lại và đối với các trường hợp: Bệnh viện, ĐVSNCL cung cấp các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu trong lĩnh vực y tế; cơ sở giáo dục, đào tạo, trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác theo quy định; ĐVSNCL thực hiện nhiệm vụ chính trị, phục vụ chức năng quản lý nhà nước, thực hiện công tác xã hội; trường hợp pháp luật chỉ quy định hoạt động dưới hình thức ĐVSNCL. Không thực hiện chuyển đổi thành CTCP đối với các ĐVSNCL đang độc quyền cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp ĐVSNCL thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là tổ chức duy nhất cung ứng sản phẩm, dịch vụ này trong cả nước, bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ tình hình thực tế để quyết định việc giữ hình thức ĐVSNCL hoặc thực hiện chuyển thành DN dưới hình thức CTTNHHMTV. Trường hợp ĐVSNCL thuộc tỉnh là tổ chức duy nhất cung ứng sản phẩm, dịch vụ này trên địa bàn tỉnh, UBND cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế để quyết định việc giữ hình thức ĐVSNCL hoặc thực hiện chuyển thành DN dưới hình thức CTTNHHMTV.

Khi thực hiện chuyển đổi ĐVSNCL thành CTCP, tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ tại DN sau chuyển đổi phải phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trường hợp không có quy định về tỷ lệ Nhà nước nắm giữ vốn tại DN hoạt động trong lĩnh vực của ĐVSNCL chuyển đổi thì các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ tại DN phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, đảm bảo tỷ lệ vốn nhà nước sau chuyển đổi trên 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp. Việc cơ cấu lại vốn sau chuyển đổi thực hiện theo quy định quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC THÔNG TIN CƠ SỞ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1868/QĐ-TTg ngày 29/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Chiến lược xác định phát triển hệ thống thông tin cơ sở (HTTTCS) gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; truyền tải thông tin chính thống, thực hiện hiệu quả truyền thông chính sách. Việc phát triển hệ thống thông tin cơ sở phải coi việc đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân là mục tiêu cơ bản của mọi hoạt động truyền thông; là kênh truyền tải chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là cầu nối quan trọng giữa chính quyền và người dân; phát huy phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng", chủ động đấu tranh với thông tin sai lệch, xấu độc và gắn chặt với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược là phát triển HTTTCS trở thành một hạ tầng số chiến lược trọng yếu của quốc gia, đảm bảo sự phát triển đồng bộ giữa "Thể chế - Mạng lưới - Hạ tầng - Dữ liệu - Nội dung - Nhân lực - Cơ chế và Công cụ đánh giá".

Đến năm 2030, xây dựng nền tảng thông tin nguồn thông tin cơ sở dùng chung, thống nhất trên toàn quốc; 90% hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông được quản lý tập trung; 90% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ bảo đảm tối thiểu 80% hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố nghe được; 70% xã, phường, đặc khu có ít nhất 3 kênh truyền thông số chính thống; 90% người làm công tác thông tin cơ sở cấp xã, tuyên truyền viên cơ sở được đào tạo kỹ năng truyền thông số; 90% hoạt động sản xuất, biên tập, phân phối nội dung được thực hiện trên môi trường số và 90% người dân được tiếp cận thông tin thiết yếu…

Định hướng đến năm 2045, hình thành HTTTCS hiện đại, vận hành trên môi trường số, tương tác hai chiều với người dân và kết nối với hệ thống điều hành quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và nền tảng định danh điện tử. Mục tiêu gồm 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh hoạt động hiệu quả; 100% phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi thông tin cơ sở được tiếp nhận, xử lý, phân tích; 100% tình huống khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh được cảnh báo sớm; đồng thời bảo đảm nội dung phù hợp cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

Nhiệm vụ được đặt ra gồm hoàn thiện thể chế; phát triển hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số và an ninh mạng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới phương thức, nội dung thông tin và đo lường hiệu quả truyền thông; gắn kết với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, thông tin đối ngoại.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành

động và triển khai thực hiện Chiến lược.

SỬA ĐỔI ĐỀ ÁN CẢI THIỆN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC GIA TỚI NĂM 2030

Ngày 02/10/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1919/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 412/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Đề án Cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia tới năm 2030.

Mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, thể chế quản lý hoàn thiện, nền kinh tế phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp.

Đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu đạt mức xếp hạng tín nhiệm từ Baa3, đối với Moody's, hoặc BBB- đối với S&P và Fitch, trở lên. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân khoảng 40% GDP, trong đó đầu tư công chiếm 20 - 22%; bội chi ngân sách bình quân khoảng 5% GDP, nợ công không quá 60% GDP và nợ Chính phủ không quá 50% GDP. Hệ thống ngân hàng được định hướng tiệm cận chuẩn Basel III, đến năm 2030 đạt tỷ lệ an toàn vốn 8,625%. Đồng thời phấn đấu HDI khoảng 0,8, duy trì tỷ lệ che phủ rừng 42%, nâng tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đô thị loại I trở lên lên khoảng 70% và giảm phát thải khí nhà kính 8-9%.

Các nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng nền tài chính công vững mạnh, mở rộng cơ sở thu, kiểm soát bội chi, nợ công và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn; nâng cao hiệu quả quản lý nợ và tập trung đầu tư công vào các dự án quan trọng, có sức lan tỏa. Lĩnh vực ngân hàng được yêu cầu củng cố an toàn hệ thống, hiện đại hóa quản trị, nâng cao tính minh bạch và chất lượng dữ liệu, điều hành tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, đồng thời hoàn thiện khuôn khổ pháp lý theo thông lệ quốc tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và hoàn thiện pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước.

Đề án bổ sung các nhiệm vụ về ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn và các-bon thấp; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng và đối tác đầu tư nhằm tăng khả năng chống chịu trước các rủi ro bên ngoài; củng cố an ninh năng lượng; đồng thời nghiên cứu từng bước tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào quản trị quốc gia.

Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì triển khai, tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tổ chức công tác đánh giá xếp hạng tín nhiệm, làm đầu mối làm việc với các tổ chức xếp hạng quốc tế và kiện toàn Tổ công tác liên quan.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

BỔ SUNG DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CÓ MỨC ĐỘ RỦI RO THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 44/2026/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2026/TT-BNNMT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thông tư yêu cầu quản lý chất lượng đối với một số nhóm thuốc thú y, hóa chất dùng trong thú y và vắc xin thú y thuộc nhóm sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình. Các sản phẩm này phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, căn cứ kết quả kiểm nghiệm của tổ chức thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định theo quy định. Đối với sản phẩm sản xuất trong nước, phương thức đánh giá sự phù hợp được áp dụng theo phương thức 1 quy định tại Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN. Một số sản phẩm có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam còn hiệu lực được miễn công bố hợp quy và không phải kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu.

Bên cạnh đó, Thông tư bổ sung vào danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao đối với thuốc thú y có chứa chất ma túy và vắc xin thú y nhược độc. Các sản phẩm này phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc thú y, thực hiện kiểm nghiệm và áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp theo quy định. Đối với sản phẩm sản xuất trong nước, Thông tư quy định phương thức đánh giá sự phù hợp là phương thức 5, đồng thời nêu trường hợp được miễn đánh giá quá trình sản xuất khi cơ sở sản xuất đáp ứng các điều kiện, giấy chứng nhận theo quy định.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 09/10/2026.

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM TRUNG ƯƠNG

Thông tư số 150/2026/TT-BTC ngày 09/10/2026 của Bộ Tài chính quy định việc tiếp nhận và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương

Đối tượng áp dụng gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc hỗ trợ công tác phòng, chống tội phạm, xác minh, xác định, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

Quỹ phòng, chống tội phạm trung ương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, tự chủ về tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Toàn bộ các khoản thu, chi phải được thực hiện qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước.

Thông tư quy định cụ thể trình tự, thủ tục tiếp nhận các khoản đóng góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ, hiện vật, hàng hóa và các hình thức khác. Đối với khoản tiền tiếp nhận

bằng tiền mặt, cơ quan quản lý Quỹ phải lập chứng từ thu và nộp đầy đủ, kịp thời vào tài khoản của Quỹ, không được sử dụng trực tiếp để chi tiêu. Các khoản chuyển nhầm, chuyển thừa hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận phải được xác minh, đối chiếu và hoàn trả theo đúng quy định. Việc tiếp nhận không được kèm theo điều kiện làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc trái pháp luật.

Đối với các khoản tài trợ bằng hiện vật, hàng hóa hoặc hình thức khác không phải là tiền, việc tiếp nhận phải lập biên bản, xác định rõ số lượng, chất lượng, giá trị, hiện trạng và mục đích sử dụng. Công tác quản lý, bảo quản, bàn giao, kiểm kê và hạch toán phải được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Giá trị tài sản được xác định căn cứ vào giá niêm yết, giá trên hợp đồng, hóa đơn, chứng từ của bên tài trợ hoặc giá do cơ quan tài chính địa phương thông báo, xác định theo giá thị trường trong trường hợp cần thiết.

Hằng năm, trước ngày 10/7, Bộ Công an có trách nhiệm gửi Bộ Tài chính báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, dự kiến kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi Quỹ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ và Quốc hội.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày ký 09/10/2026 và thay thế Thông tư số 61/2019/TT-BTC.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT NUÔI CON NUÔI

Dự thảo Luật Nuôi con nuôi quy định về mục đích, nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền quyết định việc nuôi con nuôi; yêu cầu, hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi và sau khi giải quyết nuôi con nuôi; hệ quả pháp lý, chấm dứt việc nuôi con nuôi và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

Mục đích của Luật là tạo dựng quan hệ cha, mẹ và con giữa người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi; bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình an toàn, ổn định, bền vững; đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội của con nuôi.

Dự thảo Luật cấm lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi; bóc lột sức lao động; xâm hại tình dục; ngược đãi, hành hạ con nuôi; mua, bán trẻ em hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác; trốn tránh việc thực hiện trách nhiệm pháp lý; vi phạm pháp luật, đạo đức, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; anh, chị, em ruột, anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì nhận nhau làm con nuôi; ông bà nội, ông bà ngoại, anh, chị, em ruột của ông bà nội, ông bà ngoại nhận cháu làm con nuôi.

Người được nhận làm con nuôi gồm trẻ bị bỏ rơi, mồ côi, không nơi nương tựa hoặc người dưới 18 tuổi

trong phạm vi gia đình. Người nhận con nuôi phải là người độc thân hoặc cặp vợ chồng, đủ năng lực hành vi dân sự, hơn con nuôi ít nhất 20 tuổi, đủ điều kiện sức khỏe, kinh tế, chỗ ở và có đạo đức tốt. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc từng bị kết án một số tội nghiêm trọng thì không được nhận con nuôi.

Con nuôi có quyền biết về nguồn gốc của mình. Không ai được cản trở con nuôi thực hiện quyền này.

Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc nuôi con nuôi trong nước và việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam với nhau đang tạm trú ở nước ngoài.

DỰ THẢO LUẬT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Dự thảo Luật Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo, quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Theo dự thảo Luật, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được sắp xếp theo thứ bậc hiệu lực pháp lý như sau: Hiến pháp; Bộ luật, luật của Quốc hội; Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Lệnh của Chủ tịch nước; Nghị định của Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước; Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.

Về ngôn ngữ, văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng tiếng Việt, bảo đảm chính xác, phổ thông, thống nhất, rõ ràng, dễ hiểu. Văn bản có thể được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số hoặc tiếng nước ngoài. Bản dịch có giá trị tham khảo.

Dự thảo Luật cũng quy định cụ thể về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Khi thực hiện thủ tục hành chính phải tuân thủ những nguyên tắc nào?*

Trả lời: Nghị định 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 về kiểm soát thủ tục hành chính có hiệu lực ngày 10/10/2026.

Điều 15 của Nghị định này quy định nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính, đó là:

- Bảo đảm công khai, minh bạch các thủ tục hành chính đang được thực hiện.

- Bảo đảm khách quan, công bằng trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Bảo đảm tính liên thông, kịp thời, chính xác, không gây phiền hà trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Cá nhân, tổ chức có quyền từ chối thực hiện thủ tục hành chính không đúng quy định pháp luật hoặc không đúng nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, công khai thủ tục hành chính theo quy định.

- Bảo đảm nguyên tắc cung cấp thông tin một lần, liên thông điện tử, ưu tiên sử dụng dữ liệu và dịch vụ số.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được cung cấp bằng hình thức điện tử, trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu hoặc pháp luật có quy định thì trả bằng bản giấy.

- Bảo đảm quyền được phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong thực hiện thủ tục hành chính.

2. Hỏi: *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về hồ sơ tài liệu và các thông tin liên quan đến bí mật cá nhân không?*

Trả lời: Khoản 3 Điều 18 Nghị định 385/2026/NĐ-CP yêu cầu cơ quan thực hiện thủ tục hành chính bảo quản và giữ bí mật về hồ sơ tài liệu và các thông tin liên quan đến bí mật cá nhân trong quá trình giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp phải thu thập, công bố thông tin, tư liệu theo quyết định của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

3. Hỏi: *Khi cần bổ sung hồ sơ, công chức, viên chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm hướng dẫn người dân, tổ chức như thế nào?*

Trả lời: Theo khoản 4 Điều 20 Nghị định 385/2026/NĐ-CP, công chức, viên chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện trình tự, hồ sơ hành chính đầy đủ, rõ ràng, chính xác, phải có thông báo nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

4. Hỏi: *Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính bao gồm các nội dung cơ bản nào?*

Trả lời: Khoản 1 Điều 24 Nghị định 385/2026/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính phải bảo đảm dễ dàng, tiện lợi cho người sử dụng trong việc tìm kiếm, tra cứu, khai thác. Cơ sở dữ

liệu quốc gia về thủ tục hành chính bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Thủ tục hành chính hiện đang được thực hiện trên phạm vi toàn quốc hoặc trên địa bàn của tỉnh, thành phố;

- Thủ tục hành chính đã bãi bỏ;

- Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thủ tục hành chính và các văn bản quy định có liên quan đến thủ tục hành chính;

- Nội dung khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ./.